

Số: /2024/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho hộ gia đình,
cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Khoản 4, Điều 109 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm

học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 136/TTr-LĐTBXH ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Điều kiện, thời gian hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

2. Thời gian hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 4. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ, như sau:

- a) Chi phí đào tạo: 03 triệu đồng/người/khóa học;
- b) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: 30.000 đồng/người/ngày thực học;
- c) Chi phí đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

2. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học. Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và không vượt quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

3. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng được vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên. Phương thức cho vay, mức vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, hồ sơ và trình tự, thủ tục cho vay được thực hiện theo quy định tại Điều 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Điều 1 Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

4. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Điều 5. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

1. Người có đất thu hồi được hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm tại Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người có đất nông nghiệp và đất kinh doanh thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như sau:

- 1. Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết:
 - a) Đào tạo nghề: theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;
 - b) Đào tạo ngoại ngữ: theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học;
 - c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khóa học;
 - d) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: mức 40.000 đồng/người/ngày;
 - đ) Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên.

2. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài gồm:

a) Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

c) Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;

d) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

3. Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài:

Người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài gặp rủi ro được hỗ trợ giải quyết rủi ro theo mức quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 144/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề:

a) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ, mức hỗ trợ bằng 70% chi phí đào tạo của từng khóa học của cơ sở đào tạo nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động được hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ.

5. Trường hợp người có đất thu hồi thuộc hai hay nhiều đối tượng áp dụng được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này thì được lựa chọn áp dụng theo đối tượng có lợi nhất và chỉ được hưởng một lần các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 7. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người có đất thu hồi được hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực hiện tại Điều 8 Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ cho người lao động có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí

của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Kinh phí vay vốn đào tạo nghề, giải quyết việc làm và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài được bố trí từ các nguồn Quỹ quốc gia về việc làm, nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, triển khai thực hiện quy định tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh hỗ trợ, tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động có đất thu hồi.

c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quyết định này theo đúng các quy định. Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán kinh phí đúng quy định.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Vĩnh Phúc.

a) Hướng dẫn quy trình, thủ tục vay vốn tạo việc làm, đưa người lao động bị thu hồi đất đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đúng quy định.

b) Tổ chức việc cho vay đối với người lao động có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện Quyết định này.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh; Hội Nông dân Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp tham gia:

- Chỉ đạo Ủy ban mặt trận Tổ quốc các cấp, các Tổ chức chính trị xã hội thành viên giám sát việc triển khai, thực hiện các chính sách, góp phần đưa chính sách vào cuộc sống; phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, lợi dụng, trục lợi chính sách.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến mục đích chính sách, nội dung, hồ sơ, trình tự thực hiện Quyết định này cho người thu hồi đất.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi. Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tổ chức lấy ý kiến và có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi. Thực hiện các thủ tục để kịp thời chi trả các khoản hỗ trợ cho người lao động theo quy định này sau khi quyết định phê duyệt.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền về Nhân dân và các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ biết.

c) Chỉ đạo phòng Lao động-Thương binh và Xã hội huyện, thành phố tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo quy định.

d) Định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã: Xác nhận công khai danh sách lao động trong hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định này; nhu cầu đăng ký hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản áp dụng viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT. (H b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu